

1



Tôi nghiệm ra rằng số phận con người nhiều lúc có những khúc quanh thật đột ngột mà cái nguyên do tạo ra những khúc quanh đó đôi khi rất vô vẩn, rất tức cười.

Bản thân tôi chẳng hạn, tôi đâu có mong muốn trở thành nhà văn! “Nhà văn” – tôi “kính nhi viễn chi”.

Nhà văn – đối với tôi ngày đó, trước khi có những khúc quanh – là một người đàn bà quá đẹp, quá cao sang và cao sang đến mức choáng váng, đẹp đến không dám nhìn mà những thân phận lính tráng thất học như tôi ngay cả trong ý nghĩ cũng không dám tỏ tình. Nếu cứ liều mạng tỏ tình là “đại ngu”! Ngu như thể anh lính chỉ có một quả lựu đạn chày với một thanh mã tấu mà dám liều mạng “chơi nhau” với cả một đại đội giặc trang bị đến tận chân răng.

Mãi về sau này, khi tôi đã lên đến bậc “chú, bác”, một cháu nữ phóng viên báo *Tiền phong Chủ nhật* phỏng vấn tôi:

“Hoàn cảnh nào đã biến chú – từ một người lính thất học trở thành một nhà văn?”

“Hoàn cảnh nào?” Cháu đã đặt một câu hỏi rất hay với chú. Tuổi trẻ của chú cũng đã từng mơ ước đủ thứ. Mơ được lấy vợ... Năm mới ngoài hai mươi tuổi, chú có viết một bài thơ sắc mùi lính tráng, trong đó có câu:

Tôi sẽ lấy người vợ

Trẻ và đẹp hơn tôi

...

Vợ chồng dắt tay nhau

Hát vang ta đi mau

Đến chân trời cộng sản

Chú mơ ước trở thành Đảng viên Cộng sản, được dâng hiến trọn đời mình cho sự nghiệp của Đảng như anh Giót, như anh Đàn⁽¹⁾. Chú mơ ước được lập những chiến công thật vang dội, mơ ước được chỉ huy một đơn vị trinh sát đặc công, mơ ước trở thành anh hùng... nhưng chưa bao giờ chú mơ ước được trở thành nhà văn.

Thời ấy, những người lính thế hệ chú, anh nào chẳng tập tọng làm một vài bài thơ, nói đúng hơn là ca dao hò vè để dán bích báo, để ngâm nga trong những đêm liên hoan văn nghệ của đơn vị. Loại ca dao hò vè này được các chú gọi là thơ báng sung, nhưng mơ ước được trở thành nhà thơ thì chưa bao giờ.

– Còn văn xuôi?

– Trong đợt làm công tác trao trả tù binh, chú cũng đã tập viết văn xuôi. Đó là do cuốn *Thượng Cam Lĩnh*

(1) Các anh hùng Phan Đình Giót và Bế Văn Đàn (BT).

nó “xui”. Truyện này kể về các chiến sĩ tình nguyện quân Trung Quốc đánh Mỹ ở Triều Tiên. Truyện do một nhà văn Trung Quốc viết và nhà văn quân đội ta Từ Bích Hoàng dịch. Truyện in bằng giấy bản, phát về đến tận đại đội, coi như một tài liệu ngoại khóa trong đợt học tập chính quân chính trị.

Trong đợt trao trả tù binh, tình cờ nghe chuyện của các anh em tù Côn Đảo tổ chức đánh chiếm đảo, đóng thuyền vượt biển, chú thấy chuyện này cũng hào hùng, cảm động, không kém gì *Thượng Cam Lĩnh*, đúng là “điếc không sợ súng”. Chú thử bắt chước viết xem sao. Chú mua tập giấy, bút mực viết thử chơi. Không ngờ, chú viết đến đâu lại được một em gái ở Đội Thiếu nữ Chim Hòa Bình – con ông chủ nhà đọc đến đó. Em này còn động viên chú – thỉnh thoảng lại nướng cho chú vài củ khoai lang hoặc miếng bánh đúc kê. Chú đâm ra hào hứng.

Nhưng nếu chỉ có thế mà không có cái cột cây số đó thì chắc trăm phần trăm, chú bây giờ đã nằm lại mục thịt, rục xương trên một vùng đất nào đó trên chiến trường miền Nam hoặc nếu may ra còn sống thì cũng được đeo quân hàm cấp tá như bọn bạn chú tốt nghiệp ở trường Quân chính ra.

Cháu phóng viên gái mở tròn mắt nhìn tôi.

– Chú nói lại đi. Cháu chưa nghe ra. Chú nói cái cột cây số gì ạ?

– À, đó là cái cột cây số mà người ta trồng bên đường quốc lộ, tỉnh lộ í mà. Nhưng đây là cái cột cây số đã bị bỏ

quên suốt chín năm kháng chiến, sứt sẹo như cái mũi con trâu già, lại bị phủ kín trong cỏ dại, phải vạch ra, lấy một nắm cỏ lau kỹ mới đọc được chữ ghi trên đó. Chính cái cột cây số sứt sẹo rêu phong này mà chú đã trở thành nhà văn. Nghe thật vô lí nhưng nó lại hoàn toàn là sự thật.

Đầu đuôi câu chuyện cái cột số ấy là thế này:

Sáng hôm đó tôi đứng nhìn theo em, cô gái con ông chủ nhà ở Đội Thiếu nữ Chim Hòa Bình chạy đuổi theo đưa tiễn tôi – cho đến lúc em khuất dáng mới quay lại, đeo ba lô lên vai, buộc ruột tượng gạo ngang lưng, cầm cúi, lằm lằm mãi miết đi về phía thị xã Thanh Hóa.

Khoảng hai giờ chiều, tôi đã đến ngã ba quốc lộ 1. Con đường số 1 này bị phá hoại từng quãng dài, đào thành hào, thành hố chạy ngang qua thị xã, vắng ngắt, vắng tanh. Những hầm hố cắt khúc con đường mới được đắp lại vội vàng để xe ô tô chở tù binh địch đưa về Sầm Sơn và chở anh em ta từ Sầm Sơn lên huyện lỵ Thọ Xuân.

Thấy bên rệ đường có một cây số rêu phong nhô lên giữa một lùm cỏ dại, tôi liền ngồi lên đó nghỉ chân, trút ba lô, cởi bao gạo bỏ dưới cột cây số. Tôi lấy ra hai củ khoai nướng trong số bốn củ em cho, bóc vỏ ăn và tính toán chặng đường sẽ đi tiếp...

Ăn xong hai củ khoai, tôi cúi xuống định nhấc cái ba lô và bao gạo lên thì chợt nhìn thấy chữ Hà Nội ẩn hiện mờ mờ trên mặt cột cây số. Tôi vạch cỏ nhổ một nắm lau sạch, hàng chữ số bên dưới chữ Hà Nội là 157km.

Tôi mới chợt nhớ, Thủ đô Hà Nội mới được tiếp quản tính đến hôm nay là 11 ngày. Tôi ngồi xõm trước cột cây số và suy nghĩ rất lung.

Ngày học trường quân chính, trung đội tôi có cậu Tiếp – người gốc Hà Nội. Cậu ta thường kể bao chuyện lí thú về Hà Nội. Hà Nội có sông Nhị Hà, có cầu Long Biên dài mấy cây số bắc ngang sông, có hồ Hoàn Kiếm chính giữa nổi lên ngọn Tháp Rùa...

Chúng tôi ngồi nghe cậu ta kể say sưa như con nít nghe chuyện đời xưa vậy. Chúng tôi đều biết Hà Nội là Thủ đô của đất nước mình, nhưng trong thâm tâm tôi chưa bao giờ có mơ ước đời mình có một lần đặt chân tới Hà Nội.

Thế mà, bây giờ Hà Nội chỉ cách tôi có 157km mà đường đi lại rải nhựa thẳng băng. Ngày đó, 157km đi bộ thì đã thấm vào đâu! Đầu năm nay tôi đã cùng anh em đi bộ từ chân Đèo Ngang đến cây đa Tân Trào, phải hơn ngàn cây số mà phần lớn là đường rừng núi. Hà Nội lúc này đã hoàn toàn giải phóng. Không nhân cơ hội này đi liệu ra Hà Nội mà xem cái cho biết thì còn cơ hội nào nữa. Khi trở về đơn vị, cấp chỉ huy có xem công lệnh, cất vấn sao đi lâu thế thì ta khai là bị lên cơn sốt rét dọc đường đi!

Thế là ba lô lên vai, ruột tượng ngang lưng, đáng lẽ đi về phía Nam thì tôi lại đi ngược ra phía Bắc. Chính cái rẽ ngoặt bạt mạng đột ngột vô kỉ luật này do cái cột cây số rêu phong xui khiến đã đưa tôi vào một hoàn cảnh đặc biệt mà trước đó ngay cả nằm mơ tôi cũng không thấy.

2

Sau khi hiệp định Giơnevơ kí kết, hòa bình lập lại, hai địa điểm trao trả tù binh được thiết lập, một ở Việt Trì, một ở cửa biển Sầm Sơn. Địa điểm Sầm Sơn lớn hơn.

Bờ sông Hải Thôn nằm kề cửa biển, hàng chục chiếc lán bằng tre nứa được dựng cấp tốc trên những ruộng khoai san phẳng. Một cột cờ cao vọi vọi làm bằng chiếc cột..., đỉnh cột bay phần phật lá cờ đỏ sao vàng. Cột cờ dựng chính giữa khu lán trại. Trước mặt khu lán trại là bãi sông cát trắng. Một chiếc cầu tàu ghép bằng vầu tre nứa chạy từ bãi sông ra đến chỗ mực nước sâu, tàu há mồm có thể ghé sát cầu tàu. Đêm thủy triều lên, cả bãi sông ngập nước mặn.

Cứ khoảng hai, ba ngày lại có một đợt trao trả. Đợt cao điểm nhất, ta trả cho địch ba, bốn trăm tù binh. Phần lớn là tù binh Điện Biên Phủ. Một số thuộc binh đoàn Lợpá-Sáctông bắt được ở chiến dịch Biên giới. Địch trả cho ta từ tám trăm đến một nghìn tù binh, được gom khắp các nhà tù của chúng trong cả nước. Đông nhất là tù binh Phú Quốc, Côn Đảo và khám Chí Hòa.

Đó là những ngày tất bật, bận rộn của bộ phận phụ trách trao trả, trong đó có tổ phóng viên chúng tôi.

Đêm trước ngày trao trả, cả vùng sông biển Hải Thôn rộn rịp sáng trưng như một hải cảng. Bốn năm chiếc tàu há mồm của giặc chở tù binh từ biển nổi nhau vào cửa sông, neo lại giữa sông, cách cầu tàu vài ba trăm mét. Đèn đuốc trên tàu bật sáng trưng. Các lán trại đón tiếp tù binh của ta, máy phát điện nổ rầm rầm, bóng điện giăng mắc từ đầu bãi đến cuối bãi. Ba bốn giờ sáng, khắp bãi lán trại rậm rịch những người đi lại, nhân dân địa phương, các đoàn thể ở xa được huy động đến phục vụ đông đúc dọn dẹp lán trại, đem nước, úy lạo tù binh từ các địa ngục trần gian trở về. Họ ăn mặc những bộ cánh đẹp nhất như đến dự lễ hội. Ô tô từ thị xã chở áo quần, ca, bát tráng men có nắp đậy. Mỗi tù binh của ta lên bờ được phát ngay hai bộ áo quần bà ba vải láng đen, một ba lô, một ca uống nước tráng men của Trung Quốc. Bác sĩ, y tá đeo túi thuốc ống nghe trước ngực, mặc blouse trắng. Các cô hộ lí, phần lớn là dân địa phương, mang theo cang túc trực sẵn trên bãi để cang những tù binh ta và dịch quá ốm yếu, hoặc thương tích chưa lành, lên lán trại hoặc xuống tàu há mồm. Rồi cánh các nhà văn, nhà báo, nhà thơ, gương mặt người nào cũng rạng rỡ, phấn chấn, hi vọng trong đợt trao trả này sẽ chớp được những tư liệu sống động, nóng bỏng để viết báo, viết truyện, làm thơ...

Tôi nhìn họ không khỏi có chút mũi lòng và ganh tị. Họ thật là những người sung sướng! Họ tha hồ được đi đây, đi đó. Công việc của họ là đến những nơi nào họ

thích đến, gặp gỡ tiếp xúc với tất cả những người có thành tích chiến đấu, sản xuất vang dội, hồi han, ghi chép rồi sáng tác thành văn chương và trở thành người nổi tiếng. Tôi được biết một số trong những nhà văn, nhà báo có mặt trong bãi trao trả kia, đã từng được dự các Đại hội Anh hùng và Chiến sĩ thi đua toàn quốc. Họ đã viết cuộc đời các anh hùng thành sách, truyện, được Nhà xuất bản Văn nghệ Quân đội in ra và phát cho toàn quân đọc, học tập. Tôi đã từng đọc say mê những cuốn truyện đó, lòng thầm ước: “Giá mình cũng viết được một cuốn sách như thế, tên mình cũng được lên bìa sách như tên họ. Đến công tác ở đơn vị nào, mình cũng sẽ nói như nhà báo dạy dỗ mình nghề văn hôm nọ: ‘Chắc các đồng chí biết tên tôi. Tôi đã viết cuốn truyện...’” Những người lính hai mươi tuổi chúng tôi đã trải qua những năm niên thiếu thời trận mạc ít nhiều đều có mặc cảm về sự vô danh của mình khi đứng trước những người nổi tiếng. Có tên có họ đấy, nhưng không ai biết ngoài những đồng chí trong cùng trung đội, tiểu đội – lên đến đại đội, cấp chỉ huy chúng tôi, muốn biết tên họ chúng tôi để đưa vào một phiên chế trong kế hoạch của các trận đánh đều phải tìm đọc trong sổ quân lực. Trong thâm tâm, chúng tôi đều có mơ ước lập nên chiến công xuất sắc để tên tuổi được nhắc đến trong tiểu đoàn, trung đoàn, sư đoàn hoặc may mắn hơn là trong toàn quân như La Văn Cầu, Nguyễn Thị Chiên, Phùng Văn Khầu, Nguyễn Quang Vinh... Nhưng rồi nhiều anh em chúng tôi đã ngã xuống vô danh trước khi kịp thành người nổi tiếng.

Mặt trời nhô lên khỏi mặt biển. Những chiếc tàu há mồm ầm ầm nổ máy nối nhau ghé vào đầu cầu tàu. Từ xa, chúng tôi đã nghe thấy tiếng hô khẩu hiệu, tiếng hát, tiếng reo hò của anh em tù binh vang dậy trên mặt sóng.

Trong số này, có nhiều cán bộ, chiến sĩ bị địch bắt giam từ những năm đầu kháng chiến. Nói sao xiết nỗi mừng rỡ của họ khi hay tin đất nước đã hòa bình, họ còn sống sót thoát khỏi địa ngục trần gian trở về hàng ngũ.

Có những đợt trao trả, tàu còn ở giữa sông nhiều người đã nhảy lên thành tàu, nhảy xuống sông bơi vào bờ.

Cũng như những đợt trao trả trước. Trước khi tàu ghé vào cầu tàu trao và nhận tù binh, từ chiếc tàu chỉ huy neo sát gần cửa biển, thả ca nô xuống. Trên ca nô chở phái đoàn quốc tế kiểm soát việc thi hành hiệp định Gionevơ, gồm các đại biểu Ấn Độ, Canada, Ba Lan. Tiếp đến là ca nô chở phóng viên các đài phát thanh, báo chí phương Tây. Nam có, nữ có. Quanh người họ lũng lảng nào máy ảnh, máy ghi âm, còn tay thì xách máy quay phim. Bọn họ là đối tượng đấu tranh của tổ phóng viên chúng tôi. Như trong bóng đá, mỗi người trong chúng tôi được kèm riết một phóng viên phương Tây, hạn chế mọi hoạt động của họ, đặc biệt là ngăn chặn không cho họ chụp ảnh những tù binh địch ta trao trả quá gầy và yếu, phải khiêng xuống tàu bằng cáng. Chúng sẽ cho đăng những tấm ảnh này với chú thích: “Sự đối xử tồi tệ, tàn bạo của quân đội nhân dân Việt Nam với tù binh quân đội Liên hiệp Pháp”, mặc dầu suốt ăn hàng ngày

cũng như thuốc men chữa bệnh cho chúng gấp hai, gấp ba chiến sĩ của ta.

Sau khi hai phái đoàn trao trả tù binh của hai bên, bên địch do một thiếu tá làm trưởng đoàn, bên ta một trung tá. Làm xong các thủ tục trao trả dưới sự giám sát của phái đoàn quốc tế, tàu há mồm được lệnh ghé sát cầu tàu. Tấm thép có dây xích miệng tàu từ từ há ra. Tù binh của ta đã được các ban lãnh đạo tù nhân tổ chức xếp thành đội ngũ hàng ngang tiến ra khỏi ruột tàu. Tiếng hô khẩu hiệu đả đảo chế độ nhà tù đã man của thực dân Pháp vang dậy bờ sông, gương mặt tù nhân bừng bừng phấn nộ bất giác làm cho các phóng viên phương Tây lùi bước trở lại.

Đặt chân lên bãi cát, họ cởi hết áo quần, lương thực của địch phát ném đi. Sôcôla, thịt hộp, bánh mì, bích quy tung tóe khắp bãi. Nhiều anh em tù binh giận dữ đến phát điên, họ nhảy lên chà nát những táp lét sôcôla, những phong bích quy mặn, ngọt vừa chà nát vừa la hét:

– Chúng nó phát thứ đất thô này⁽¹⁾ làm sao chúng tôi ăn được?

Mỗi đợt trao trả, bãi cát rải đầy áo quần, lương thực. Chúng tôi ngày đi chiến dịch thèm rệu nước miếng một cục đường đen. Bây giờ chúng tôi giẫm đạp lên sôcôla, bích quy, đồ hộp. Chân thì giẫm lên, bụng thì thèm muốn chết.

(1) Chỉ kẹo sôcôla (TG).